Sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân dưới tác động của Luật doanh nghiệp : Luận văn ThS Kinh tế: 5.02.01 / Lê Thị Thảo ; Nghd. : PGS.TS. Trần Đình Thiên

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề tài

Việt nam hiện nay đang trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Vấn đề nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp là cần thiết, song các doanh nghiệp phải được đặt trong môi trường cạnh tranh bình đẳng với một khung pháp lý đồng bộ và thống nhất.

Bước vào công cuộc đổi mới, Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân được Quốc hội khóa VIII thông qua ngày 21/12/1990 và được Quốc hội khóa IX sửa đổi, bổ sung một số điều vào năm 1994.

Sự ra đời của hai đạo luật trên có ý nghĩa kinh tế - chính trị - xã hội to lớn. Nó khẳng định quan điểm nhất quán, không phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế của Đảng và Nhà nước ta, động viên được các nguồn lực đầu tư và tạo công ăn việc làm cho đông đảo người lao động trong thời gian vừa qua.

Tuy nhiên, sau một số năm thực hiện, cùng với đà chuyển biến nhanh sang hệ thống kinh tế thị trường mở cửa và hội nhập, các đạo luật đó đã bộc lộ những hạn chế gây tác động kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế nói chung và khu vực kinh tế tư nhân nói riêng.

Với trình độ phát triển mới của hệ thống doanh nghiệp nước ta, khung khổ pháp lý cũ không còn phù hợp. Nghị quyết Hội nghị BCHTW lần thứ 4 (khóa VIII) đã nhận thấy cần "sửa đổi bổ sung các văn bản pháp quy về loại hình doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể, xây dựng luật thống nhất, áp dụng cho các loại chủ thể kinh doanh".

Đáp ứng yêu cầu đó, ngày 12/6/1999, tại kỳ họp thứ 5 Quốc hội (khóa X) đã thông qua Luật Doanh nghiệp, trên cơ sở hợp nhất sửa đổi bổ sung Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân.

Việc ban hành Luật Doanh nghiệp đã góp phần tạo khung khổ pháp lý đồng bộ, phù hợp với tình hình phát triển mới, hạn chế các hiện tượng tiêu cực, gây phiền hà quan liêu, tạo điều kiện thông thoáng, hấp dẫn và yên tâm cho các nhà đầu tư, góp phần thúc đẩy khai thác nội lực cho sự nghiệp CNH-HĐH và tăng cường quản lý nhà nước về kinh tế.

Sau 5 năm thực hiện Luật Doanh nghiệp (kể từ ngày có hiệu lực 1/1/2000). Luật Doanh nghiệp đã có những tác động nhất định đến quá trình cải cách kinh tế của đất nước, đặc biệt đối với khu vực kinh tế tư nhân. Có thể nói Luật Doanh nghiệp đã "thổi luồng sinh khí mới vào môi trường kinh doanh", đã khơi dậy và thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần kinh doanh, tinh thần tự lập nghiệp trong các tầng lớp nhân dân; khuyến khích sáng tạo và tự chủ trong kinh doanh, làm cho cộng đồng doanh nghiệp tự tin hơn trong hoạt động đầu tư và kinh doanh; tăng thêm sự tin tưởng của nhân dân vào đường lối và chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, việc thi hành Luật Doanh nghiệp gặp không ít khó khăn và tồn đọng. Ví dụ một số văn bản cần thiết hướng dẫn thi hành Luật chưa được ban hành. Nhiều văn bản luật đã được ban hành nhưng nội dung chưa phù hợp, việc xoá bỏ hệ thống giấy phép "xin - cho" gặp nhiều trở ngại ...

Điều đó cản trở sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân, làm chậm bước tiến của quá trình hình thành môi trường kinh doanh bình đẳng và hệ thống thể chế kinh tế thị trường đồng bộ.

Để hiểu rõ những thay đổi của khu vực kinh tế tư nhân từ khi áp dụng Luật Doanh nghiệp tôi chọn nghiên cứu đề tài: ***Sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân dưới tác động của Luật Doanh***

nghiệp.

2. Tình hình nghiên cứu

- *Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài*: Luật Doanh nghiệp ở Việt nam được ban hành và có hiệu lực từ 1/1/2000 nên còn khá mới mẻ, tuy nhiên chính những tác động tích cực của Luật Doanh nghiệp đã khiến Tổ chức phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP), Ngân hàng Thế Giới (WB) và các nhà tài trợ khác đánh giá Luật Doanh nghiệp là điểm sáng trong thực hiện cải cách thể chế một cách có hiệu quả, cần được nhân rộng không chỉ ở nước ta mà còn ở các nước đang phát triển khác.

- *Tình hình nghiên cứu trong nước*: Viết về sự phát triển của khu vực KTTN, từ năm 1986 cho đến nay đã có nhiều bài báo, tham luận khoa học, các công trình nghiên cứu...

Cụ thể như:

- Đào Thị Phương Liên (1995): " Sự phát triển của KTTN trong giai đoạn chuyển nền kinh tế Việt nam sang kinh tế thị trường", Luận án tiến sĩ kinh tế, Đại học kinh tế quốc dân, Hà nội.

- Nguyễn Huy Oánh (2001): "Vai trò của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế Việt nam", Nghiên cứu kinh tế, (12), tr. 45-55.

- GS.TS Nguyễn Thanh Tuyền (2002): "Thành phần kinh tế tư bản tư nhân trong quá trình CNH-HĐH", Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội.

- TS. Hà Huy Thành (2002: "Thành phần kinh tế cá thể tiểu chủ và tư bản tư nhân", Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội.

- Nguyễn Minh Thảo (2003) : "Kinh tế tư nhân ở Việt nam - thực trạng và giải pháp", Luận văn thạc sĩ kinh tế, Đại học quốc gia, Hà nội.

Các công trình nói trên đã nghiên cứu kinh tế tư nhân ở nhiều góc độ khác nhau: Phát triển khu vực kinh tế tư nhân; quan điểm về sự phát triển KTTN; các giải pháp cụ thể về môi trường, thể chế

chính sách nhằm phát triển KTTN trong phạm vi cả nước.

Từ khi có Luật Doanh nghiệp (1/1/2000) hoạt động của khu vực KTTN trở nên cực kỳ sôi động. Viết về tác động của Luật công ty, Luật Doanh nghiệp tư nhân nay là Luật Doanh nghiệp đối với khu vực kinh tế tư nhân cũng đã có một số tác giả như: Trần Văn Thông, Phạm Hồng Vân, Xuân Dũng... Các tác giả đề cập đến vấn đề thực hiện Luật Công ty, Luật Doanh nghiệp tư nhân, nay là Luật Doanh nghiệp ở những năm trước (2001, 2002, 2003) nhưng chủ yếu chỉ đề cập đến vấn đề đó dưới góc độ là những chyên đề mang tính thời sự, chưa đủ mức hệ thống và khái quát ...

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu:

* *Mục đích*: Luận văn tập trung đánh giá sự phát triển của khu vực KTTN dưới tác động của LDN, phát hiện các vấn đề còn tồn đọng và đang đặt ra, trên cơ sở đó đưa ra một số quan điểm định hướng tiếp tục phát huy hiệu lực của Luật Doanh nghiệp trong việc tạo môi trường kinh doanh bình đẳng cho các doanh nghiệp.

* *Nhiệm vụ:* Để có thể đánh giá được sự phát triển của khu vực KTTN dưới tác động của LDN luận văn tập trung phân tích thực trạng hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân Việt nam trước và sau khi ban hành Luật Doanh nghiệp và một số vấn đề về việc thi hành Luật Doanh nghiệp trong thời gian từ 1/1/2000-2004.

Luận văn đưa ra một số quan điểm định hướng, kiến nghị một số giải pháp tiếp tục phát huy hiệu lực của Luật Doanh nghiệp trong giai đoạn tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

- *Đối tượng nghiên cứu*: Sự phát triển của khu vực KTTN dưới tác động của Luật Doanh nghiệp.

- *Phạm vi nghiên cứu*: Luận văn tập trung đánh giá sự phát triển của khu vực KTTN dưới tác động của LDN giai đoạn 2000-2004.

5. Phương pháp nghiên cứu:

Luận văn sử dụng phương pháp lô gích lịch sử, phép duy vật biện chứng, phương pháp thống kê, điều tra, phân tích tổng hợp, kết hợp mô hình hóa...

6. Dự kiến những đóng góp mới của luận văn:

- Đánh giá vị trí, vai trò của khu vực kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường nói chung và nền kinh tế chuyển đổi.
- Đánh giá vai trò của khu vực KTTN dưới tác động của LDN giai đọan 2000-2004.
- Đánh giá những mặt được và chưa được trong việc thực hiện LDN trong thời gian từ 2000-2004.
- Một số quan điểm định hướng, kiến nghị giải pháp tiếp tục phát huy hiệu lực của Luật Doanh nghiệp trong việc tạo môi trường kinh doanh bình đẳng cho các doanh nghiệp.

7. Bố cục của luận văn:

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận văn được sắp xếp thành 3 chương 10 tiết :

Chương 1. Khu vực kinh tế tư nhân và nền kinh tế chuyển đổi.

Chương 2. Thực trạng của khu vực kinh tế tư nhân dưới tác động của Luật Doanh nghiệp.

Chương 3. Kiến nghị giải pháp tiếp tục phát huy phát huy hiệu lực của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG 1
KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN VÀ NỀN KINH TẾ CHUYỂN ĐỔI

Kinh tế tư nhân (KTTN) là bộ phận hợp thành hữu cơ quan trọng của nền kinh tế đất nước và ngày càng tỏ rõ sự năng động cũng như tính hiệu quả hoạt động của mình trong nền kinh tế thị trường. Bảo hộ về pháp lý, tôn trọng các lợi ích hợp pháp và tạo mọi điều kiện cho hoạt động kinh doanh và phát triển khu vực kinh tế tư

nhân trong khuôn khổ luật pháp quy định, đã đang và sẽ vẫn là xu hướng lớn, chi phối nhiều khía cạnh khác nhau của đời sống kinh tế - xã hội ở mỗi quốc gia và trên toàn thế giới.

Với những quốc gia có nền kinh tế chuyển đổi, quá trình chuyển từ kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang kinh tế thị trường gắn liền với việc đưa khu vực kinh tế tư nhân thay thế dần khu vực kinh tế nhà nước. Nói cách khác, kinh tế thị trường của các nước chuyển đổi dựa vào khu vực kinh tế tư nhân, xem kinh tế tư nhân như là tiền đề của sự phát triển. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện cải cách nền kinh tế, không phải quốc gia nào ngay từ đầu cũng đã nhận thức được đúng bản chất của kinh tế tư nhân và vai trò của nó đối với sự phát triển toàn bộ nền kinh tế. Từ đó đã không tạo ra những điều kiện thuận lợi cho khu vực kinh tế này phát huy hết những khả năng vốn có của nó, đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Xuất phát từ tình hình nói trên, việc luận chứng để làm rõ bản chất, vị trí, vai trò của khu vực kinh tế tư nhân đối với nền kinh tế thị trường nói chung và chỉ ra những điều kiện cần thiết để kinh tế tư nhân có thể tồn tại và phát triển trong nền kinh tế chuyển đổi, được chúng tôi coi là nhiệm vụ đầu tiên trong công trình nghiên cứu này.

1.1. Bản chất của kinh tế tư nhân

1.1.1. Nguồn gốc hình thành và đặc điểm phát triển của KTTN

1.1.1.1. Sự hình thành kinh tế tư nhân là kết quả tất yếu của sự phát triển lực lượng sản xuất (LLSX)

Trong xã hội nguyên thuỷ, do trình độ của LLSX còn thấp kém, đời sống còn hết sức khó khăn thiếu thốn, muốn tồn tại con người phải gắn chặt cuộc sống của mình với tập thể, với thị tộc và bộ lạc. Trong xã hội đó mọi TLSX, mọi thành quả lao động đều thuộc quyền sở hữu của tập thể, mọi người cùng làm chung, hưởng chung. Ở đây không hề có ý niệm về quyền tư hữu, về "cái tôi" của mình và cũng chưa hề xảy ra tình cảnh áp bức bóc lột.

Với việc xuất hiện công cụ sản xuất bằng đồng và sắt, thì nhân loại đã có những bước tiến dài, nhảy vọt đầy ý nghĩa.

Với các cuộc phân công lao động xã hội (PCLĐXH) lần I và II trong lịch sử đã làm cho sản xuất xã hội ngày càng được chuyên môn hóa, của cải xã hội tăng lên nhanh chóng. Từ đó việc trao đổi sản phẩm giữa các bộ lạc trở nên thường xuyên. Nó làm cho tài sản được chuyển nhượng tự do, tư tưởng tư hữu nảy nở và làm xuất hiện chế độ tư hữu.

1.1.1.2. Sự xuất hiện gia đình, thiết chế xã hội, giai cấp và nhà nước - nguồn gốc xã hội dẫn đến sự ra đời của chế độ tư hữu

Vào giai đoạn cuối của xã hội nguyên thủy, năng suất lao động ngày càng phát triển cùng với sự phát triển của LLSX thì chế độ tư hữu với những mâu thuẫn giai cấp và xung đột giai cấp trong lòng nó phát triển, dẫn đến kết quả là xã hội cũ (xã hội nguyên thuỷ) bị thủ tiêu và một xã hội mới được hình thành - đó là xã hội chiếm hữu nô lệ. Xã hội mới hình thành được khẳng định là một quốc gia, đơn vị cơ sở của nó không còn là liên minh dựa trên quan hệ huyết thống, mà là liên minh dựa trên địa vị hành chính do nhà nước quản lý.

Trong chế độ phụ hệ việc để lại tài sản cho con đã tạo điều

kiện thuận lợi cho việc tích luỹ của cải trong gia đình và biến gia đình thành một thế lực đối lập với thị tộc. *Và kể từ đây, gia đình cá thể đã trở thành đơn vị kinh tế cơ sở của xã hội, là tế bào cơ bản của quan hệ xã hội mới - xã hội có giai cấp.*

- Giai cấp xuất hiện dẫn đến mâu thuẫn giai cấp ngày càng phát triển. Cuộc đấu tranh giữa hai giai cấp: thống trị và bị thống trị ngày càng gay gắt buộc phải có một lực lượng thứ ba xuất hiện. Nhà nước hình thành nên những cơ quan quyền lực công cộng nhằm giải quyết mâu thuẫn giai cấp, giữ gìn trật tự xã hội, bảo vệ chế độ sở hữu tư nhân mới ra đời và bảo vệ quyền lợi cho giai cấp thống trị.

Sự ra đời sở hữu tư nhân, kinh tế tư nhân và chế độ tư hữu đã được xuất phát từ sự phát triển kinh tế và biến đổi xã hội hoàn toàn hợp logic như thế.

1.1.2. Bản chất của kinh tế tư nhân

Kinh tế tư nhân là khu vực kinh tế gắn liền với loại hình sở hữu tư nhân, trong đó các chủ thể của nó tự chủ tiến hành sản xuất kinh doanh vì lợi ích trực tiếp của cá nhân, hay tập thể cá nhân hoạt động dưới những hình thức kinh tế khác nhau, dù có thuê hay không thuê lao động.

Kinh tế tư nhân tuy có nhiều trình độ phát triển khác nhau với sự đa dạng của các loại hình sản xuất kinh doanh: kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và tiểu thương, kinh tế tư bản tư nhân (TBTN), kinh tế TBTN trong kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài... *nhưng bản chất chung của khu vực kinh tế tư nhân chính là sở hữu tư nhân.* Dù là kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công hay kinh tế tư bản tư nhân thì giữa chúng cũng có điểm chung là: *đều dựa trên chế độ sở hữu tư nhân về TLSX và về các nguồn lực sản xuất.*

1.1.3. Mấy nét chung về phạm trù sở hữu và sở hữu tư nhân

1.1.3.1. Khái niệm sở hữu và một số nội dung về sở hữu

Sở hữu là một phạm trù xã hội, phản ánh quan hệ giữa người với người trong việc chiếm hữu của cải vật chất, là hình thái xã hội có tính lịch sử của việc chiếm hữu của cải vật chất và thông qua quan hệ sở hữu ấy thỏa mãn nhu cầu của mình; sở hữu không phải là quan hệ giữa người với vật mà là quan hệ giữa người với người đối với vật.

1.1.3.2. Sở hữu - nhân tố cơ bản của quan hệ sản xuất

a) Sở hữu - nhân tố cơ bản của quan hệ sản xuất, là nền móng của chế độ kinh tế xã hội.

Vai trò đó của sở hữu được thể hiện ở những mặt cơ bản sau đây:

Thứ nhất, sở hữu quyết định mục đích của sản xuất và toàn bộ cơ chế điều tiết của nền sản xuất xã hội.

Thứ hai, sở hữu là nhân tố cơ bản của quan hệ sản xuất *(*QHSX) khi nó giữ vai trò chi phối hai mặt còn lại của QHSX, tức là nó quyết định phương thức, phương pháp tổ chức và quản lý sản xuất, nó cũng quyết định tính chất và hình thức phân phối sản phẩm.

Thứ ba, chế độ sở hữu quyết định địa vị khác nhau của con người, quyết định hình thức cơ cấu giai tầng trong xã hội.

Thứ tư, sở hữu vừa là quan hệ kinh tế, vừa là quan hệ pháp lý nên đòi hỏi phải có sự biến đổ icủa QHSX phù hợp với tính chất và trình độ của LLSX. Điều này thể hiện yếu tố mở đường cho sự phát triển của LLSX.

Thứ năm, mỗi phương thức sản xuất được đặc trưng bởi một quan hệ sản xuất riêng, trong mối quan hệ đó sở hữu (SH) là cái quyết định bản chất chế độ kinh tế - xã hội.

b) Quan hệ giữa sở hữu với lợi ích - nguồn nuôi dưỡng động lực kinh tế và tiền đề cho lực lượng sản xuất phát triển.

Quan hệ sở hữu luôn là nguồn, là kiểu phương thức sản xuất mở rộng hệ thống lợi ích và do đó là nguồn gốc sâu xa của động lực

kinh tế.

1.1.3.3. Sở hữu tư nhân

Sở hữu tư nhân là hình thức sở hữu các nguồn lực sản xuất được đầu tư vào các ngành, các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh trong nền kinh tế của cá nhân những nhà sản xuất kinh doanh trong hoặc ngoài nước. Cá nhân tự quyết định, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Những nguồn lực sản xuất này thuộc quyền sử dụng, định đoạt và hưởng lợi của cá nhân người sở hữu.

1.2. Đặc điểm sở hữu tư nhân, kinh tế tư nhân và vai trò của nó trong nền kinh tế thị trường

1.2.1. Đặc điểm sở hữu tư nhân, kinh tế tư nhân

1.2.1.1. Đặc điểm sở hữu tư nhân, kinh tế tư nhân trong lịch sử kinh tế phương Tây

*Trong xã hội cổ đại (chiếm hữu nô lệ): KTTN phát triển mạnh mẽ vào thế kỷ thứ VIII - VI TCN (thời kỳ xuất hiện những nhà nước cổ đại phương Tây là Hy Lạp và La mã). KTTN tập trung phát triển trong các ngành nông nghiệp, công nghiệp và thương nghiệp

* Trong xã hội Phong kiến: SHTN, KTTN phát triển mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp và thủ công nghiệp. Ở đây nhà nước Trung ương chưa bao giờ nắm được quyền sở hữu tối cao về ruộng đất trong toàn quốc. Ngoài sở hữu của các quý tộc phong kiến, còn có sở hữu nhỏ mang tính chất cá thể của nông dân và thợ thủ công về công cụ lao động, nhà cửa, giống cây con và các sản phẩm phụ khác.

* Trong xã hội Tư bản chủ nghĩa *:*

Dưới chủ nghĩa tư bản (CNTB), sở hữu tư nhân về TLSX đã đạt đến trình độ cao hơn nhiều so với các chế độ sở hữu tư nhân trước đó, đặc biệt nó đã đạt đến trình độ hoàn thiện hơn trong chủ nghĩa tư bản hiện đại. Ngày nay, bên cạnh sự thống trị của hình thái sở

hữu công ty thì vấn đề phát triển của hình thái sở hữu tư nhân của người lao động cũng rất được chú ý trong xã hội tư bản. Đây là một trong những hiện tượng kinh tế - xã hội quan trọng nhất trong quá trình phát triển sở hữu tư nhân của CNTB hiện đại trước ngưỡng cửa của thế kỷ XXI.

1.2.1.2. Một số đặc điểm phát triển của KTTN ở phương Đông

*Trong xã hội Cổ,Trung đại: Ở đây kinh tế tư nhân có ra đời, song nhìn chung không có điều kiện để phát triển mạnh. Hiện tượng phổ biến ở phương Đông thời Trung đại, từ đầu đến cuối là đã tồn tại quyền sở hữu ruộng đất của nhà nước đồng thời với ruộng đất của tư nhân, trong đó nhà nước nắm quyền chi phối cao nhất.

*Ở các nước đang phát triển thời cận đại, hiện đại.

Mầm mống kinh tế TBCN đã xuất hiện ở nhiều nước vào giữa thế kỷ XIX do sự xâm nhập của chủ nghĩa thực dân phương Tây, dẫn tới sự ra đời của đội ngũ tư nhân bản địa. Sau khi giành được độc lập, cùng với những khó khăn ban đầu không tránh khỏi, trong thời gian gần đây KTTN ở đa số các nước đang phát triển *đã có bước phát triển lớn. Sự phát triển mạnh KTTN ở nhiều nước đang phát triển tập trung ở những nguyên nhân chính sau: trước hết là tạo điều kiện hết sức thông thoáng cho kinh tế thị trường phát triển. Ở đây nhà nước tìm cách thúc đẩy và "quản lý thị trường" chứ không thay thế và đặc biệt là không chống lại thị trường; thứ hai, chuyển cơ cấu kinh tế từ chính sách "công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu" sang chính sách "công nghiệp hoá hướng về xuất khẩu"; thứ ba, nhà nước theo đuổi các chính sách định hướng thị trường nhằm ưu tiên và khuyến khích khu vực kinh tế tư nhân phát triển.*

1.2.2. Vai trò của KTTN trong nền kinh tế thị trường nói chung

1.2.4.1. Đối với phát triển kinh tế

Thứ nhất, tạo khả năng huy động vốn.

Thứ hai, tạo ra các cơ hội việc làm.

Thứ ba, góp phần ứng dụng và quảng bá công nghệ.

Thứ tư, góp phần tạo nguồn thu thuế cho chính phủ.

1.2.4.2. Đối với phát triển xã hội

Khu vực KTTN xem trách nhiệm xã hội như là trách nhiệm của họ, hành động với tư cách như những công dân tốt trong xã hội, nhằm bảo đảm rằng những mối quan tâm của xã hội như môi trường, an toàn của khách hàng, an toàn của người lao động.

1.2.4.3. Đối với quản lý khu vực kinh tế công

Khu vực tư nhân tham gia một cách chủ động vào quá trình hoạt động và xây dựng chính sách kinh tế.

1.3. Điều kiện tồn tại và phát triển của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế chuyển đổi

1.3.1. Tính tất yếu của quá trình chuyển đổi nền kinh tế

Sau cách mạng tháng 10 (1917), hệ thống kinh tế thế giới phân thành hai cực: một bên là các nước xã hội chủ nghĩa phát triển theo mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung với hình thức sở hữu công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu; một bên là các nước tư bản chủ nghĩa phát triển theo mô hình kinh tế thị trường với hình thức sở hữu thống trị là sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa.

Sau một số năm thực hiện mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung, với sự "khước từ" kinh tế tư nhân, kinh tế thị trường, nền kinh tế các nước thuộc phe XHCN cũ trước đây ở trạng thái trì trệ, kém phát triển. Mặc dù trong quá trình kiến lập kiểu kinh tế XHCN này, luôn bao hàm trong đó những cuộc "cải cách" ở những quy mô to, nhỏ khác nhau, nhưng luôn mang tính chất cục bộ và thường được hiểu theo nghĩa "cải tiến", "hoàn thiện", dựa trên những nền tảng đã tạo dựng nên ngay từ những ngày đầu xây dựng nền kinh tế mới.

Thực tiễn của sự vận động kinh tế xã hội chủ nghĩa theo mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung đến những năm 80 của thế kỷ XX cho thấy rằng những "cải tiến", "hoàn thiện" ấy là không đủ. Nó

đã thực sự rơi vào cuộc khủng hoảng sâu sắc có tính chất toàn diện và hệ thống vào cuối thập niên 80, đầu thập niên 90 của thế kỷ XX. Cũng bắt đầu từ thời điểm đó, các nước XHCN bắt đầu quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường. Quá trình đó hoàn toàn phù hợp với những đòi hỏi của thực tiễn và mang tính tất yếu khách quan.

1.3.2. Những đặc trưng và mâu thuẫn cơ bản trong nền kinh tế chuyển đổi

** Những đặc trưng trong nền kinh tế chuyển đổi:*

- Cải tổ liên tục, thực hiện cải cách kinh tế một cách thường xuyên

- Khủng hoảng kinh tế - sự suy thoái của quá trình chuyển đổi nền kinh tế.

** Mâu thuẫn cơ bản của nền kinh tế chuyển đổi*

Mâu thuẫn cơ bản của nền kinh tế chuyển đổi là mâu thuẫn giữa khu vực kinh tế nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân tư nhân.

1.3.3. Các điều kiện để kinh tế tư nhân tồn tại và phát triển trong nền kinh tế chuyển đổi

Trong giai đoạn này ở các nước có nền kinh tế chuyển đổi, KTTN chưa thể mất đi, mà ngược lại KTTN càng cần phải nỗ lực chiếm lĩnh các khoảng trống của thị trường phù hợp với tình hình kinh tế của mình để phát triển LLSX, phát triển kinh tế đất nước

Để tạo điều kiện cho khu vực KTTN ở các nước có nền kinh tề chuyển đổi phát triển mạnh mẽ hơn nữa, điều quan trọng là phải *cải tạo một cách triệt để hệ tư tưởng "thâm căn cố đế" mà bao lâu nay "trói buộc", "kìm hãm" không cho phép kinh tế tư nhân tồn tại và phát triển. Đồng thời Nhà nước cần tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi với một kỷ luật kinh tế vĩ mô chặt chẽ. Tạo "sân chơi bình đẳng" cho tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong đó có kinh tế tư nhân.*

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CỦA KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA LUẬT DOANH NGHIỆP

2.1. Vài nét về khu vực kinh tế tư nhân Việt nam trong thời kỳ kế hoạch hoá tập trung

2.1.1. Trong nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, KTTN là đối tượng cải tạo, phải xoá bỏ, do đó nó không có cơ sở pháp lý để tồn tại.

Trước đổi mới, một mặt chúng ta phải tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng và thống nhất đất nước; mặt khác, do nhận thức chưa đầy đủ về chủ nghĩa Mác- lênin và về CNXH; bên cạnh đó lại mắc phải những sai lầm khuyết điểm nghiêm trọng như nóng vội, chủ quan, duy ý chí, bởi vậy nền kinh tế của nước ta trong thời kỳ này ở tình trạng trì trệ kém phát triển.

Trong thời kỳ này, KTTN là đối tượng cải tạo phải xoá bỏ, do đó nó không có cơ sở pháp lý để tồn tại.

2.1.2. Thực trạng kinh tế tư nhân trong nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung.

Thực tế cho thấy, khu vực KTTN trong nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung vẫn tồn tại và phát triển *như những mạch nước ngầm trong lòng đất không bao giờ cạn*. Nó thực sự đã có những đóng góp quan trọng về hàng hoá cho sản xuất và tiêu dùng trong đời sống xã hội.

2.2. Sự tái lập và phát triển của khu vực kinh tế tư nhân trong thời kỳ đổi mới từ 1986 đến 2000

2.2.1. Thực chất của công cuộc đổi mới ở Việt nam

Đại hội VI đã khẳng định rõ *thực chất của đổi mới kinh tế ở Việt nam là thay đổi phương thức, cơ chế hay kiểu phát triển kinh tế. Thay đổi cơ chế kinh tế là thay đổi mô thức phát triển: từ mô thức kinh tế kế*

hoạch hóa tập trung chuyển sang mô thức kinh tế thị trường.

2.2.2. Các giai đoạn phát triển của khu vực KTTN từ 1986 - 2000.

2.2.2.1. Từ 1986-1990:

Đây là giai đoạn khởi đầu của công cuộc đổi mới, các quan điểm đổi mới kinh tế do ĐHĐ toàn quốc lần thứ VI đề ra dần dần được cụ thể hoá. *KTTN của nước ta giai đoạn này mới chỉ bắt đầu, còn phát triển thì chưa mạnh, chưa rõ nét.*

2.2.2.2. Từ 1991-2000:

Đây là khoảng thời gian 10 năm Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân phát huy tác dụng. Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân cùng các văn bản pháp luật có liên quan đã thực sự làm cho nhiều người an tâm, mạnh dạn bỏ vốn ra làm ăn, hay nói cách khác các đạo luật này đã khuyến khích mạnh mẽ đầu tư trong nước, khơi dậy được một tiềm năng kinh tế rất quan trọng của đất nước. Vì thế trong giai đoạn này KTTN phát triển khá mạnh.

* *Số hộ kinh doanh cá thể:*

- Tính đến cuối năm 2000, trong nông nghiệp, cả nước có khoảng 11,4 triệu hộ sản xuất nông nghiệp, chiếm 87,9% số hộ ở nông thôn, - Trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh các ngành nghề phi nông nghiệp, có khoảng 2.137.713 hộ sản xuất kinh doanh cá thể, tăng 6,02% so với năm 1996 (bình quân mỗi năm tăng khoảng 30.000 hộ), tốc độ tăng 4,47%/năm. Theo tổng cục thuế, số hộ kinh doanh có môn bài là 1,5 triệu hộ (trong đó 1,2 đến 1,3 triệu hộ nộp thuế thường xuyên).

* *Về lao động trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại dịch vụ*: Có sự giảm rõ ràng của khu vực hợp tác xã (HTX) trong những năm đổi mới, do đó, mức độ tăng trưởng của khu vực kinh tế phi nhà nước trong hai lĩnh vực này chủ yếu do KTTN tạo ra.

* *Đối với các loại hình doanh nghiệp:* Tính đến 1998, nếu tính theo số vốn pháp định đã đăng ký, các doanh nghiệp tư nhân, công

ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần đã huy động được gần 12.000 tỷ đồng và tạo công ăn việc làm cho hàng vạn lao động, đóng góp ngày càng nhiều cho ngân sách nhà nước.

Nhờ phát triển nhanh, phần đóng góp của KTTN vào sự ổn định và tăng trưởng kinh tế giai đoạn1991-2000 tăng mạnh. Mặc dù trong giai đoạn này Nhà nước đã ban hành một số đạo luật, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho khu vực KTTN phát triển, nhưng sự phát triển của KTTN vẫn chủ yếu mới chỉ là sự "bung ra"một cách tự phát chứ chưa nằm trong "quy hoạch" phát triển tổng thể các thành phần kinh tế trên phạm vi cả nước.

2.3. Ban hành Luật doanh nghiệp - một yêu cầu cấp bách

2.3.1. Luật Công ty, Luật Doanh nghiệp tư nhân và vai trò của nó đối với nền kinh tế

Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân ra đời vào giai đoạn đầu của thời kỳ đổi mới (Quốc hội khoá VIII nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 21-12-1990), thể hiện bước đột phá, đánh dấu sự thay đổi trong tư duy kinh tế của Đảng và Nhà nước ta. Qua gần 10 năm áp dụng (từ năm 1991-2000), hai đạo luật đã góp phần to lớn vào việc xây dựng nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa và công cuộc đổi mới đất nước một cách toàn diện.

2.3.2. Những lý do chủ yếu dẫn đến việc ban hành Luật Doanh nghiệp

2.3.2.1. Sự thiếu thống nhất giữa các quy định của Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân.

Trong công cuộc đổi mới đất nước (từ 1986-2000), khung pháp lý nói chung và khung pháp lý về doanh nghiệp nói riêng đã không ngừng phát triển. Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, Luật phá sản doanh nghiệp và các luật khác về doanh nghiệp như Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật hợp tác xã,

Luật các Tổ chức tín dụng... đã được ban hành. Vì vậy, một số quy định trong Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân đã không còn phù hợp với một số văn bản pháp luật hiện hành có liên quan, đặc biệt là Luật khuyến khích đầu tư trong nước, Bộ luật Dân sự...

Sự không nhất quán trong giải thích và thi hành luật đã hạn chế hiệu lực của các quy định pháp luật có liên quan trong hệ thống pháp luật.

2.3.2.2. Một số bất cập trong quá trình thi hành Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân

- Các quy định về vốn pháp định, đã ngăn cản một số lượng đáng kể các chủ đầu tư tham gia vào hoạt động kinh doanh một cách hợp pháp.

- Thủ tục thành lập doanh nghiệp qua hai giai đoạn thành lập và đăng ký kinh doanh đã tạo ra một quy trình "xin - cho là một bất cập lớn nhất làm giảm tính hấp dẫn của môi trường đầu tư trong nước.

- Việc quy định địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh căn cứ vào quan hệ sở hữu đã tạo ra sự bất bình đẳng giữa các chủ thể khi tham gia vào quá trình kinh doanh.

- Việc quy định một cách thiếu rõ ràng về trách nhiệm của mỗi cơ quan quản lý nhà nước đã dẫn tới sự không hiệu quả trong quản lý nhà nước.

- Những yêu cầu phát sinh khi Việt nam đang đứng trước xu thế quốc tế hoá đời sống kinh tế - xã hội và khi nền kinh tế đã bước sang một giai đoạn phát triển mới cao hơn là rất lớn.

Trong khi đó Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân đã làm giảm tính linh hoạt của các nhà đầu tư trong việc lựa chọn hình thức kinh doanh và cơ hội đầu tư phù hợp với khả năng và điều kiện của họ. Và như vậy, hai Luật đó sẽ không phát huy được tối đa các nguồn nội lực của nền kinh tế.

Thực hiện được đường lối, chủ trương phát triển nền kinh tế của Đảng, hai đạo Luật nêu trên cần phải sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2.3.3. Một số điểm mới của Luật Doanh nghiệp

- Về tên Luật và phạm vi điều chỉnh của Luật

Tại kỳ họp thứ tư, Quốc hội khoá X đã quyết định tên của Luật là "Luật Doanh nghiệp". Theo điều 1 của Luật Doanh nghiệp, việc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của các loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân đều thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp. Doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội sau cổ phần hoá sẽ được điều chỉnh theo Luật này.

Ngoài ra Luật doanh nghiệp cũng bổ sung một số điểm mới sau:

- *Về thành lập doanh nghiệp.*
- *Các quy định về công ty*
- *Tổ chức lại doanh nghiệp*

2.4. Tiến triển của khu vực kinh tế tư nhân dưới tác động của Luật Doanh nghiệp

2.4.1. Xu thế phát triển và vai trò ngày càng tăng của kinh tế tư nhân sau Luật Doanh nghiệp

Trước hết, những tác động tích cực của Luật Doanh nghiệp tới quá trình cải cách kinh tế như thúc đẩy đổi mới tư duy kinh tế, giải phóng lực lượng sản xuất, thúc đẩy chuyển đổi tư duy về vai trò nhà nước và phương thức quản lý nhà nước,v.v.. trong cơ chế thị trường. Nhờ đó, Luật Doanh nghiệp và việc thực hiện Luật là một trong các yếu tố góp phần có ý nghĩa vào việc tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh ở nước ta.

2.4.1.1. Số lượng doanh nghiệp

Kể từ năm 2000 số lượng mới đăng ký liên tục tăng nhanh với tốc độ chưa từng thấy. Cho đến cuối năm 2004 cả nước đã có gần

108.300 doanh nghiệp mới đăng ký (trong 9 năm: 1991-1999 có 45000 doanh nghiệp đã đăng ký); đưa tổng số doanh nghiệp đã đăng ký của khu vực tư nhân nước ta lên khoảng 150.000 doanh nghiệp. Số doanh nghiệp đăng ký trung bình hàng năm giai đoạn 2000 - 2004 bằng 3,75 lần so với trung bình hàng năm của thời kỳ 1991-1999. Số doanh nghiệp mới đăng ký trong 5 năm (2000-2004) ước cao gấp hai lần so với 9 năm trước đây (1991-1999). Tăng bình quân 25,6%/năm.

2.4.1.2. Số lượng vốn đăng ký và thực hiện:

Tỷ trọng đầu tư của các hộ kinh doanh cá thể và các doanh nghiệp dân doanh trong tổng số vốn đầu tư toàn xã hội đã tăng từ 20% năm 2000 lên 23% năm 2001, 25,3% năm 2002, 27% năm 2003 và khoảng 29% năm 2004. Tỷ trọng đầu tư của các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trong tổng nguồn vốn đầu tư xã hội đã liên tục tăng và năm 2004 đã vượt lên hơn hẳn so với tỷ trọng đầu tư của doanh nghiệp nhà nước.

Vốn đầu tư của các doanh nghiệp dân doanh đã đóng vai trò quan trọng, thậm chí là nguồn vốn đầu tư chủ yếu đối với phát triển kinh tế địa phương. Ví dụ, đầu tư của các doanh nghiệp dân doanh năm 2002 ở thành phố Hồ Chí Minh đã chiếm 38% tổng số vốn đầu tư toàn xã hội, cao hơn tỷ trọng vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước (DNNN) và ngân sách nhà nước gộp lại (36,5%).

2.4.1.3. Phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Trong những năm gần đây, dưới tác động tích cực của Luật Doanh nghiệp khu vực KTTN đã góp phần không nhỏ vào phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tác động tích cực này được chuyển tải thông qua tăng thêm nguồn vốn đầu tư, thu hút thêm lao động, phát huy được trí tuệ và sức sáng tạo của người dân, tăng kim ngạch xuất khẩu, tăng cầu thị trường nội địa, tăng hiệu quả nền kinh tế nhờ tăng thêm cạnh tranh trên thị trường, v.v..

2.4.1.4. Về tạo thêm công ăn việc làm mới:

Trong 5 năm qua ước tính đều cho thấy đã có khoảng 1,6 đến 2 triệu chỗ làm việc mới đã được tạo ra nhờ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể mới thành lập và mở rộng quy mô kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp; đưa tổng số lao động trực tiếp làm việc trong các doanh nghiệp dân doanh xấp xỉ bằng tổng số lao động trong các DNNN (Số lao động trong doanh nghiệp nhà nước đến 1/7/2002 là 1.845.200 người). Tổng số lao động làm việc trong doanh nghiệp của tư nhân và hộ kinh doanh cá thể lên đến khoảng hơn 6 triệu người, chiếm hơn 16% lực lượng lao động xã hội. Có không ít doanh nghiệp đã tạo công ăn việc làm trực tiếp cho hàng nghìn lao động và hàng nghìn lao động gián tiếp khác (Công ty trách nhiệm hữu hạn Đỉnh Vàng (Hải Phòng): 6.500 người lao động, Công ty trách nhiệm hữu hạn Kim Anh (Sóc Trăng) 3.400 lao động*)*. [3].

2.4.1.5. Đóng góp về xuất khẩu:

Trong mấy năm qua các doanh nghiệp dân doanh đã có đóng góp tích cực vào việc tăng kim ngạch xuất khẩu, nhất là các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, chế biến nông sản, thủy sản. Báo cáo của Bộ thương mại cho rằng khu vực kinh tế tư nhân đóng góp một nửa tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

2.4.1.6. Đóng góp vào nguồn thu ngân sách:

Đóng góp của doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp vào ngân sách trung ương vẫn còn nhỏ, nhưng đang có xu hướng tăng lên trong mấy năm gần đây từ khoảng 6,4% năm 2001 lên hơn 7% năm 2002 (tỷ lệ tương ứng của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) là 5,2 và 6%, của doanh nghiệp nhà nước là 21,6 và 23,4%). Nhìn chung, đóng góp trực tiếp vào nguồn thu ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể theo Luật Doanh nghiệp (LDN) trong mấy năm qua là chưa tương xứng với tốc độ phát triển của khu vực kinh tế này.

2.4.1.7. KTTN góp phần tạo môi trường kinh doanh, thúc đẩy thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, đẩy nhanh tiến trình

hội nhập kinh tế quốc tế, xoá đói giảm nghèo.

Sự phát triển của KTTN là nhân tố chủ yếu tạo môi trường cạnh tranh giữa các thành phần kinh tế (TPKT), phá bỏ dần tính độc quyền của một số doanh nghiệp nhà nước. Thể chế kinh tế thị trường ngày càng thích ứng hơn với cơ chế kinh tế mới. Các loại thị trường bắt đầu hình thành và phát triển (thị trường hàng hóa - dịch vụ, thị trường lao động, thị trường vốn, thị trường bất động sản và thị trường khoa học - công nghệ). Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta sẽ không thể thực hiện nếu không có sự tham gia của khu vực kinh tế tư nhân.

2.4.2. Đánh giá khái quát tình hình thực hiện Luật Doanh nghiệp trong thời gian từ 2000 - 2004.

2.4.2.1. Những mặt được của Luật Doanh nghiệp và việc thực hiện Luật

Thực tế 5 năm qua cho thấy cùng với các chính sách đổi mới khác, việc thực hiện Luật Doanh nghiệp đã có bốn mặt được chủ yếu sau đây:

Một là, về cơ bản, công dân được quyền tự do kinh doanh những ngành, nghề mà pháp luật không cấm; giải phóng được tư duy sáng tạo về ý tưởng kinh doanh và phương thức tổ chức kinh doanh; tạo ra sự thay đổi tích cực trong quan niệm xã hội về doanh nhân và doanh nghiệp.

Hai là, giải phóng và phát triển được sức sản xuất, huy động và phát huy được nội lực vào xây dựng và phát triển kinh tế xã hội, góp phần đáng kể vào phục hồi và tăng trưởng kinh tế, tăng kim ngạch xuất khẩu, tăng thu ngân sách, tạo việc làm và xóa đói, giảm nghèo và giải quyết các vấn đề xã hội khác.

Ba là, thúc đẩy mạnh mẽ việc hình thành và hoàn thiện thể chế kinh doanh thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước.

Bốn là, đổi mới một bước cơ bản phương thức và công cụ quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

2.4.2.2. Những mặt chưa được

5 năm qua Luật Doanh nghiệp và việc thực hiện luật có những tác động rất tích cực đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.Tuy nhiên bên cạnh đó cũng còn những hạn chế nhất định:

Một là, tác động của Luật Doanh nghiệp không đồng đều giữa các vùng; tập trung chủ yếu ở các khu vực đô thị.

Hai là, sự phối phối hợp của các cơ quan nhà nước có liên quan còn chưa đều.

Ba là, trình tự, thủ tục và điều kiện đăng ký kinh doanh ở một số địa phương đối với một số ngành, nghề vẫn trái với Luật Doanh nghiệp. Chi phí gia nhập thị trường vẫn cao so với các nước trong khu vực.

Bốn là, cơ quan đăng ký kinh doanh ở cả trung ương, cấp tỉnh và huyện, còn yếu.

Năm là, một số không nhỏ chủ doanh nghiệp vẫn chưa hiểu đúng bản chất, ý nghĩa của đăng ký kinh doanh.

** Tóm lại:* Trong chương 2, luận văn chỉ rõ việc ban hành Luật Doanh nghiệp là một yêu cầu cấp bách phù hợp với đòi hỏi cải thiện môi trường pháp lý cho hoạt động kinh doanh ở Việt nam. Đồng thời cũng chỉ ra những mặt tích cực và hạn chế của LDN và việc thực hiện Luật. Mặt khác Luận văn tập trung phân tích thực trạng của khu vực KTTN dưới tác động của Luật Doanh nghiệp; khẳng định vai trò *"động lực của sự phát triển"* của kinh tế tư nhân đối với nền kinh tế Việt nam trong giai đoạn hiện nay.

CHƯƠNG 3

KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC PHÁT HUY HIỆU LỰC CỦA LUẬT DOANH NGHIỆP

3.1. Vị trí và xu hướng phát triển của KTTN trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam

3.1.1. Vị trí của KTTN trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, KTTN sẽ đóng vai trò *nền tảng,* trên cơ sở đó, kinh tế Nhà nước phát huy vai trò chủ đạo và chi phối mọi thành phần kinh tế khác phát triển theo định hướng XHCN.

3.1.2. Mối quan hệ về vị trí giữa KTTN và KTNN trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, KTTN sẽ đóng vai trò nền tảng, còn kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Điều này hoàn toàn không mâu thuẫn và không làm giảm vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước.

3.1.3. Xu hướng vận động và phát triển của KTTN trong những năm tới

3.1.3.1. Những nhân tố kinh tế - xã hội trong nước và quan hệ quốc tế ảnh hưởng đến xu hướng phát triển của KTTN trong thời gian tới.

* *Những lợi thế nội tại của KTTN trong phát triển.*

- Sau một thời gian phục hồi và phát triển, KTTN đã tạo lập được một lực lượng sản xuất kinh doanh, dịch vụ lớn mạnh và rộng khắp với nhiều trình độ khác nhau.

- Trong quá trình phát triển, KTTN cũng đã thể hiện những lợi thế của mình. Những lợi thế đó ngày càng có điều kiện phát huy khi

cơ chế, chính sách đã được thông thoáng hơn, mở rộng hơn, thể chế kinh tế thị trường ngày càng được hoàn thiện.

- KTTN ở nước ta có mối liên hệ rất rộng rãi với hàng triệu người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

** Những thành tựu về kinh tế - xã hội trong quá trình đổi mới đang mở ra những điều kiện mới thuận lợi cho việc tiếp tục phát triển KTTN trong thời gian tới.*

- Đảng và Nhà nước ta đã có những chính sách nhất quán cho sự phát triển lâu dài của KTTN. Những thành tựu về kinh tế - xã hội trong quá trình đổi mới đang mang lại những điều kiện mới cho sự phát triển KTTN.

- Việc mở rộng và nâng cao hoạt động của kinh tế đối ngoại đã và đang mở ra những điều kiện quốc tế thuận lợi cho việc phát triển KTTN trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội những năm 2001 - 2010.

3.1.3.2. Một số dự báo về xu hướng phát triển của KTTN trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội từ nay đến năm 2010.

** Khu vực KTTN bao gồm:* các hộ cá thể tiểu chủ trong nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ và các doanh nghiệp tư nhân (DNTN), công ty trách nhiệm hữu hạn (CTTNHH), công ty cổ phần (CTCP) sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong tất cả các lĩnh vực mà luật pháp không cấm và sẽ vươn lên trở thành khu vực kinh tế có tỷ trọng lớn nhất trong tổng thu nhập quốc dân (GDP) của đất nước, trở thành đầu tàu của sự tăng trưởng.

*Dưới sự tác động của quy luật tích tụ và tập trung sản xuất, trong điều kiện đất nước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và với mức độ cạnh tranh ngày càng quyết liệt do quá trình hội nhập quốc tế, nhất là việc mở rộng tham gia vào Khối Mậu dịch tự do Đông Nam Á (AFTA) và sẽ gia nhập Tổ chức Thương mại thế

giới (WTO) trong những năm tới, vào khu vực KTTN sẽ diễn ra quá trình mở rộng và nâng cao quy mô sản xuất và hiện đại hóa công nghệ.

*Trong kinh tế cá thể tiểu chủ, do tác động của các quy luật của nền kinh tế thị trường sẽ diễn ra quá trình phân hóa nhưng nhịp độ không cao và xu hướng tiến bộ chiếm ưu thế.

* Cùng với xu thế xã hội hóa nền kinh tế nước ta trong thời kỳ quá độ, nhất là trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa, các doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN và khu vực kinh tế nhà nước sẽ diễn ra sự liên kết, đan xen các loại hình sở hữu khác nhau, từ đó hình thành các loại hình doanh nghiệp hỗn hợp.

3.2. Kiến nghị giải pháp tiếp tục phát huy tác dụng của Luật Doanh nghiệp

Để có thể theo kịp đà phát triển của khu vực KTTN, trong giai đoạn tới LDN phải tiếp tục được sửa đổi, bổ sung theo hướng ngày càng hoàn thiện nhằm đáp ứng được những đòi hỏi mới của cuộc sống, của thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể:

- Ban hành đủ các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.

- Thực hiện nhất quán việc đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, tiếp tục đơn giản hóa thủ tục và giảm chi phí gia nhập thị trường.

- Bổ sung hoàn thiện các văn bản hiện hành có liên quan.

- Thực hiện mạnh mẽ, rộng khắp phong trào khởi nghiệp trên toàn quốc và thay đổi phương thức hỗ trợ doanh nghiệp.

- Nhà nước cần tiếp tục chủ động, sáng tạo trong hỗ trợ, xúc tiến và quản lý hiệu quả đối với sự phát triển của doanh nghiệp.

- Giải pháp từ phía các Hiệp hội doanh nghiệp và cộng đồng doanh nghiệp:

- *Đối với các Hiệp hội:*

- Thường xuyên đánh giá lại hoạt động của hiệp hội; tập hợp các kiến nghị của doanh nghiệp về luật pháp, cơ chế chính sách, về cách thức quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước các cấp... đề đạt các kiến nghị đó đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. .

- Tuyên truyền, giáo dục thành viên xây dựng văn hóa kinh doanh tiến bộ, kinh doanh trung thực.

- *Đối với các chủ sở hữu và người quản lý doanh nghiệp:*

Các chủ doanh nghiệp, các nhà quản lý cần phải có thái độ thực sự cầu thị và nâng cao ý thức xây dựng văn hóa kinh doanh, đạo đức kinh doanh của doanh nhân Việt Nam.

Tóm lại: Trọng tâm chương 3 của luận văn là các giải pháp nhằm tiếp tục phát huy hiệu lực của LDN. Trong số các giải pháp đã đề xuất chúng tôi đặc biệt lưu ý đến giải pháp *Ban hành đủ các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp*; *thực hiện nhất quán việc đăng ký kinh doanh theo LDN, tiếp tục đơn giản hoá thủ tục và giảm chi phí gia nhập thị trường*. Ngoài ra giải pháp thực hiện mạnh mẽ, rộng khắp phong trào khởi nghiệp trên toàn quốc và thay đổi phương thức hỗ trợ doanh nghiệp cũng được nhấn mạnh.

Những giải pháp mà chúng tôi đề xuất nếu được áp dụng chắc chắn sẽ góp phần phát huy hơn nữa hiệu lực của LDN; thúc đẩy khu vực KTTN phát triển, tiếp tục khai thác những khả năng tiềm ẩn vốn có của khu vực KTTN để khu vực KTTN đóng góp nhiều hơn nữa vào công cuộc xây dựng và kiến thiết đất nước.

KẾT LUẬN

Từ việc nghiên cứu về "Sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân dưới tác động của LDN" luận văn rút ra một số kết luận sau đây:

1. Sự tồn tại của khu vực KTTN trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam là một tất yếu khách quan được quy định trước hết bởi quy luật QHSX phải phù hợp với tính chất và trình độ của LLSX, đồng thời hoàn toàn phù hợp với trật tự phát triển mang tính phổ biến của kinh tế thị trường nhân loại nói chung. Khu vực KTTN có vai trò to lớn về nhiều mặt như đóng góp thu nhập quốc dân, tạo nguồn thu cho địa phương, huy động vốn đầu tư giải quyết việc làm, thay đổi cơ cấu công nghệ, thúc đẩy cơ chế thị trường phát triển... Vì vậy cần tạo điều kiện cho khu vực này phát triển với tốc độ nhanh hơn.

2. Khu vực KTTN đã tồn tại khá lâu ở nhiều nước trong khu vực và thế giới, nhưng ở nước ta nó mới được "hồi sinh" trong những năm gần đây, đặc biệt từ khi LDN được ban hành. Vì vậy cần phải đánh giá đúng hiện trạng, vai trò của khu vực KTTN, nhất là phải đánh giá được thực trạng phát triển của khu vực KTTN từ khi có LDN. Phát hiện những mặt tích cực cũng như những hạn chế của LDN và việc thựchiện Luật để từ đó đưa ra những giải pháp thiết thực nhằm tiếp tục phát huy hiệu lực của LDN, góp phần thúc đẩy khu vực KTTN phát triển nhanh hơn nữa, đóng góp vào công cuộc xây dựng và kiến thiết đất nước nhiều hơn nữa...

3. Khu vực KTTN là "nhân tố động lực"để phát triển kinh tế xã - hội. Bởi vậy việc tạo ra một "sân chơi bình đẳng"giữa các doanh nghiệp là điều nên làm. Có như vậy khu vực KTTN mới có nhiều cơ hội thể hiện hết sức mạnh tiềm tàng của nó. Muốn làm được điều đó,

chính phủ cần tạo lập một môi trường kinh doanh thuận lợi và một môi trường pháp lý thông thoáng, đồng bộ.

Việc tạo được một môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động kinh doanh không chỉ đòi hỏi từ phía Chính phủ mà rất cần sự ủng hộ từ phía các doanh nghiệp và những người thực hiện pháp luật của Nhà nước.

4. Khuyến khích khu vực KTTN phát triển là hoàn toàn phù hợp với quy luật khách quan về thời kỳ quá độ trong điều kiện của Việt nam. Sự ra đời của LDN đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có điều kiện cạnh tranh bình đẳng, và các doanh nghiệp tư nhân hoàn toàn có quyền kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm. Sự phát triển của khu vực này dưới tác động của LDN không những không lấn át khu vực kinh tế nhà nước mà ngược lại còn tạo ra môi trường cạnh tranh thúc đẩy khu vực kinh tế nhà nước làm tốt hơn vai trò chủ đạo và định hướng cho các khu vực kinh tế khác.

5. Luận văn đã cố gắng đưa ra một số đề xuất về các giải pháp chủ yếu nhằm tiếp tục phát huy hiệu lực của LDN, với mong muốn góp phần giải quyết được những hạn chế, vướng mắc đang cản trở khu vực KTTN và thúc đẩy khu vực này pháy triển mạnh mẽ hơn nữa trong giai đoạn tới.

Mặc dù đã rất cố gắng giải quyết những vấn đề cơ bản liên quan đến sự phát triển của khu vực KTTN dưới tác động của LDN, song đây là một công việc khó khăn, phức tạp hơn nữa kinh nghiệm nghiên cứu của bản thân còn có hạn nên luận văn khó có thể tránh khỏi những thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được sự chỉ giáo của các nhà chuyên môn và sự góp ý của bạn đọc./.